

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/DS - PT
Ngày 25 - 12 - 2020
“V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLPT - DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS - ST, ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2020/QĐPT - DS ngày 09 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐPT - DS ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Văn D, sinh năm 1961 (Có mặt).

2.2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1959 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thu H, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày: Trước đây bà Trần Thị B và ông Mai Văn D có khởi kiện vợ chồng ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Tại bản án số 159/2017/DS - PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) tỉnh Hậu Giang xác nhận buộc ông D và bà B trả lại ông T diện tích 918,9m² tại thửa 1447, tờ bản đồ số 7. Tuy nhiên trong quá trình TAND huyện M (nay là TAND thị xã M) thẩm định còn sót phần tài sản trên đất là phần sân xi măng và chuồng heo của vợ chồng ông D và bà B nên bản án không thi hành án được.

Ngày 21/3/2019 Viện kiểm sát (sau đây viết tắt là VKS) Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 40/QĐKNGĐT – VKS - DS yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 42/2016/DS-ST ngày 26/02/2016 của TAND thị xã M và bản án phúc thẩm số 156/2017/DS - PT ngày 31/8/2017 của TAND tỉnh Hậu Giang lý do phần tài sản trên đất tranh chấp chưa được xem xét giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà B, do đó Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M không thể tổ chức thi hành án được.

Ngày 08/7/2019 TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 183/2019 xét xử lại và giữ nguyên bản án buộc ông D và bà B trả phần đất vườn có diện tích 918,9m² cho ông T. Hủy 01 phần bản án sơ thẩm và một phần bản án phúc thẩm có liên quan đến phần tài sản trên đất là phần sân xi măng và chuồng heo của ông D và bà B có trên đất để xét xử lại. Vì vậy nay ông T khởi kiện yêu cầu TAND thị xã M buộc ông D và bà B trả lại phần diện tích đất phần sân xi măng và chuồng heo, ông T đồng ý trả giá trị phần sân xi măng và chuồng heo cho vợ chồng ông D theo kết quả định giá tài sản của cơ quan chuyên môn.

Bị đơn bà Trần Thị B trình bày: Quyết định giám đốc thẩm số 183/2019 ngày 08/7/2019 của TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ xem xét phần kháng nghị của VKS chứ chưa xem xét đơn yêu cầu giám đốc thẩm của bà B. Vì vậy nay việc ông T yêu cầu bà B trả diện tích phần sân xi măng và chuồng heo thì bà B không đồng ý. Nay nếu ông T và bà H trả cho vợ chồng bà B số tiền 500.000.000 đồng thì vợ chồng bà B mới đồng ý trả đất cho vợ chồng ông T.

Bị đơn ông Mai Văn D thống nhất ý kiến của vợ là bà Trần Thị B, không đồng ý trả lại phần sân xi măng và chuồng heo cho vợ chồng ông T, nếu ông T và bà H trả cho vợ chồng ông D số tiền 500.000.000 đồng thì vợ chồng ông D mới đồng ý trả đất cho vợ chồng ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thu H trình bày: Bà H thống nhất ý kiến của chồng là ông Mai Văn T, yêu cầu ông D và bà B trả lại diện tích phần sân xi măng và chuồng heo, đồng ý trả giá trị cho vợ chồng ông D theo kết quả định giá tài sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2016/DS – ST ngày 26/02/2016, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn D, bà Trần Thị B.

Buộc bị đơn ông Mai Văn T trả lại phần đất có tổng diện tích 918,9m², thuộc thửa đất số 1447, tờ bản đồ số 07 có tứ cận như sau: Ngang giáp lộ xi măng là 19,70m; ngang giáp thửa 938 là 19,50m; dài giáp thửa 938 là 45,50m; dài giáp thửa 956 là 50,20m (có lược đồ giải thửa kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Mai Văn T về việc công nhận phần đất vườn có diện tích 918,9m², đất ruộng có diện tích 1229,9m² và yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 và 00002 đứng tên ông Mai Văn D.

Buộc nguyên đơn phải trả giá trị cây trồng cho bị đơn số tiền 1.080.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn V do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/3/2016, bị đơn ông Mai Văn T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu giám định chữ ký trong tờ giấy cho đất ngày 17/8/2004 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/8/2004; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông Mai Văn D và bà Trần Thị B có trách nhiệm trả lại cho bị đơn phần đất diện tích 918,9m² đất vườn và 1229,9m² đất ruộng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/2016/DS – ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn T.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu phản tố của ông Mai Văn T về việc đòi ông Mai Văn D, bà Trần Thị B giao trả phần đất ruộng 1.299,9m², thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002, cấp ngày 24/12/2004 đứng tên ông Mai Văn D.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn D, bà Trần Thị B.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Mai Văn T.

Công nhận phần đất có tổng diện tích 918,9m², thuộc thửa đất số 1447, tờ bản đồ số 07 có tứ cận như sau: Ngang giáp lộ xi măng là 19,70m; ngang giáp thửa 938 là 19,50m; dài giáp thửa 938 là 45,50m; dài giáp thửa 956 là 50,20m (có lược đồ giải thửa kèm theo) cho ông Mai Văn T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 do Ủy ban nhân dân huyện M (cũ) nay là Ủy ban nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24/12/2004 đứng tên ông Mai Văn D.

Buộc ông Mai Văn D và bà Trần Thị B có trách nhiệm giao trả cho ông Mai Văn T phần đất có tổng diện tích 918,9m², thuộc thửa đất số 1447, tờ bản đồ số 07 có tứ cận như sau: Ngang giáp lộ xi măng là 19,70m; ngang giáp thửa 938 là 19,50m; dài giáp thửa 938 là 45,50m; dài giáp thửa 956 là 50,20m (có lược đồ giải thửa kèm theo).

Buộc bị đơn phải trả giá trị cây trồng cho nguyên đơn số tiền 2.700.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn V do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí đo đạc, giám định và án phí.

Ngày 26/4/2018, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang có văn bản kiến nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tai Quyết định giám đốc thẩm số 183/2019/DS – GĐT ngày 08/7/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần kháng nghị số 40/QĐKNGĐT – VKS – DS ngày 21/3/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần bản án dân sự phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 42/2016/DS – ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang giữa nguyên đơn bà Trần Thị B và ông Mai Văn D với bị đơn ông Mai Văn T về phần tài sản là sân xi măng và chuồng heo của ông D, bà B có trên phần đất; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm lại phần Bản án bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS - ST, ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T.

Buộc ông Mai Văn D và bà Trần Thị B trả lại diện tích phần sân xi măng diện tích 83,2m² (trong đó hành lang bảo vệ an toàn lộ xi măng 27,9m²), phần chuồng heo diện tích 5,1m².

Ông Mai Văn T có trách nhiệm trả giá trị phần sân xi măng và chuồng heo cho ông D và bà B số tiền 4.698.770 đồng.

Buộc ông D và bà B có trách nhiệm tháo dỡ, di dời 01 chuồng vịt diện tích 24,5m² trả lại diện tích đất trên cho ông T.

Ghi nhận tự nguyện của ông T và bà H hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời chuồng vịt cho vợ chồng ông D số tiền 2.224.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/7/2020, bà Trần Thị B, ông Mai Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc ông Mai Văn T có trách

nhiệm trả cho ông Mai Văn D và bà Trần Thị B giá trị phần nâng nền đất, sân xi măng, chuồng heo và công di dời chuồng vịt với số tiền 46.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B bổ sung yêu cầu kháng cáo kháng cáo như sau: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả tiền công bồi thổ đất từ năm 1993 đến năm 2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm tự nguyện hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông D và bà B số tiền 3.077.230 đồng. Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn hỗ trợ và bồi hoàn giá trị sân xi măng, chuồng heo, chuồng vịt là 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn D và bà Trần Thị B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng nguyên đơn ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H hỗ trợ thêm cho vợ chồng bị đơn số tiền 3.077.230 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trước đây ông Mai Văn D và bà Trần Thị B khởi kiện ông Mai Văn T để yêu cầu ông T trả lại phần đất lấn chiếm; ông T yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên, buộc ông D trả lại đất. Vụ án trên đã được TAND thị xã M và TAND tỉnh Hậu Giang giải quyết xong. Do thiếu sót trong quá trình thẩm định một phần tài sản trên phần đất vườn nên phần tài sản trên đất tranh chấp chưa được xem xét giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà B.

Ngày 08/7/2019, TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 183/2019/ DS – GĐT hủy một phần bản án sơ thẩm và một phần bản án phúc thẩm liên quan đến phần tài sản trên đất (phần sân xi măng và chuồng heo) và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Sau khi nhận hồ sơ vụ án, TAND thị xã M đã thông báo để các đương sự làm đơn yêu cầu giải quyết lại vụ án. Tuy nhiên phía ông Mai Văn D và bà Trần Thị B

không yêu cầu TAND thị xã M giải quyết lại mà tiếp tục yêu cầu TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết lại vụ án.

Ngày 02/9/2019, ông Mai Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã M, giải quyết buộc vợ chồng ông D trả lại diện tích đất phần sân xi măng và chuồng heo, đồng ý trả giá trị phần sân xi măng và chuồng heo cho vợ chồng ông D và bà B.

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2020, bị đơn bà Trần Thị B, ông Mai Văn D có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B, ông Mai Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trước đây bà Trần Thị B và ông Mai Văn D có khởi kiện ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2016/DS - ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang và Bản án dân sự phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tuy nhiên, trong quá trình xem xét thẩm định tài sản có sai sót nên chưa xem xét phần sân xi măng và chuồng heo của vợ chồng ông Mai Văn D, bà Trần Thị B. Do đó trong quá trình thi hành bản án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M không thể tổ chức thi hành án được. Ngày 08/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 183/2019/DS – GĐT ngày 08/7/2019 hủy một phần bản án sơ thẩm và một phần bản án phúc thẩm liên quan đến phần tài sản trên đất (phần sân xi măng và chuồng heo) và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[3.2] Đối với phần sân xi măng và chuồng heo

Theo mảnh trích đo địa chính số 188/TT.KTTN&MT ngày 31/12/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Hậu Giang phần đất tranh chấp cụ thể như sau:

Phần sân xi măng diện tích 83,2m² (trong đó hành lang bảo vệ an toàn lộ xi măng 27,9m²), phần chuồng heo diện tích 5,1m².

Xét thấy, vụ án đã được giải quyết bằng bản án số 42/2016/DS – ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang và bản án dân sự phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tại Quyết định 183/2019/QĐ - GĐT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh đã hủy một phần bản án sơ thẩm và một phần bản án phúc thẩm liên quan đến phần tài sản trên đất (phần sân xi măng và chuồng heo) và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với phần bản án bị hủy theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015:

“1. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chỉ xem xét lại phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị.

2. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có quyền xem xét phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật không bị kháng nghị hoặc không liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị, nếu phần quyết định đó xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người thứ ba không phải là đương sự trong vụ án”.

Bản án phúc thẩm số 156/2017/DS – PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã công nhận phần đất có tổng diện tích 918,9m², thuộc thửa đất số 1447, tờ bản đồ số 07 có tứ cận như sau: Ngang giáp lộ xi măng là 19,70m; ngang giáp thửa 938 là 19,50m; dài giáp thửa 938 là 45,50m; dài giáp thửa 956 là 50,20m (có lược đồ giải thửa kèm theo) cho ông Mai Văn T nên việc ông T khởi kiện buộc ông Mai Văn D, bà Trần Thị B trả lại diện tích đất phần sân xi măng và chuồng heo và đồng ý trả giá trị phần sân xi măng và chuồng heo cho vợ chồng ông D là có căn cứ.

Việc bà B, ông D cho rằng TAND Cấp cao chưa xem xét đến phần nội dung bản án mà chỉ xem xét phần tài sản trên đất là không có cơ sở.

Do đó đối với phần nội dung bản án sơ thẩm và phúc thẩm mà TAND Cấp cao không hủy thì phần bản án trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[3.3] Tại Chứng thư thẩm định số 04/BDS ngày 13/01/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất (Bút lục 328 – 333) thể hiện:

- Phần sân xi măng có giá 2.912.000 đồng
- Chuồng vịt có giá 2.224.600 đồng
- Chuồng heo có giá 436.000 đồng
- Phần đất bồi lấp nâng nền xi măng có giá 1.350.720 đồng.

Như vậy, kháng cáo của ông Mai Văn D và bà Trần Thị B yêu cầu ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H bồi thường các tài sản gồm sân xi măng, chuồng heo và chuồng vịt, với tổng số tiền là 46.600.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường công bồi thổ đất từ năm 1993 đến năm 2020. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét và nội dung bổ sung kháng cáo vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo bổ sung của ông D và bà B.

[3.4] Đối với phần chuồng vịt

Tại thời điểm TAND thị xã M tiến hành thẩm định ngày 31/10/2019 thể hiện chuồng vịt có kết cấu khung cột gỗ tạp, nền đất, mái tol, vách lá, có diện tích 24,5m².

Bị đơn cho rằng chuồng vịt có trước khi phát sinh tranh chấp, phía nguyên đơn cho rằng chuồng vịt do vợ chồng ông D cất sau khi có bản án phúc thẩm. Tại biên bản về việc giải quyết thi hành án ngày 07/11/2017 (bút lục 282) của Chi cục Thi hành dân sự thị xã M ông D, bà B trình bày: “ *Hiện tại do nhu cầu chăn nuôi nên gia đình tôi chuẩn bị làm chuồng vịt để chăn nuôi tạm và cam kết khi nào cơ quan thi hành án tiến hành giao đất gia đình tôi sẽ tự tháo dỡ chuồng vịt để giao đất*”, nên có căn cứ xác định phần chuồng vịt trên vợ chồng ông D xây dựng trong thời gian đang tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông D có trách nhiệm tháo dỡ, di dời phần chuồng vịt trả lại mặt bằng đất cho ông T là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà H tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời chuồng vịt cho vợ chồng ông D số tiền 2.224.600 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T và bà H, không trái với quy định của pháp luật nên được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H đồng ý nâng mức bồi thường, đối với phần xăng xi măng và chuồng heo, cho vợ chồng ông Mai Văn D và bà Trần Thị B số tiền 3.077.230 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T và bà H và có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B mỗi người đều có kháng cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho ông bà nộp chung tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, là chưa đúng nên cần phải khắc phục. Buộc ông Mai Văn D và bà Trần Thị B phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B, ông Mai Văn D.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T.

Buộc bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B trả lại diện tích phần sân xi măng diện tích 83,2m² (trong đó hành lang bảo vệ an toàn lộ xi măng 27,9m²), phần chuồng heo diện tích 5,1m².

Nguyên đơn ông Mai Văn T có trách nhiệm trả giá trị phần sân xi măng và chuồng heo cho bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B số tiền 4.698.770 đồng (Bốn triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

[2] Buộc bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B có trách nhiệm tháo dỡ, di dời 01 chuồng vịt diện tích 24,5m² trả lại diện tích đất trên cho nguyên đơn ông Mai Văn T.

Ghi nhận tự nguyện của ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H hỗ trợ chi phí tháo dỡ di dời chuồng vịt cho vợ chồng ông Mai Văn D và bà Trần Thị B số tiền 2.224.600 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Văn T và bà Hồ Thu H hỗ trợ thêm phần giá trị sân xi măng và chuồng heo, số tiền 3.077.230 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc các bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B, phải chịu 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Các bị đơn nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M để trả lại cho ông Mai Văn T.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Mai Văn D và bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000564 phiếu lập ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang, thành án phí.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Mai Văn D, bà Trần Thị B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí ông Mai Văn D và bà Trần Thị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000470 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông Mai Văn D, bà Trần Thị B mỗi người phải nộp thêm 150.000 đồng (Một trăm năm chục nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/12/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- CCTHADS thị xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng